

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2012/QĐ-UBND
(Dự thảo)

Bến Tre, ngày tháng năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học
và phát triển công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số .../TT-SKHCN ngày tháng 6 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 31/2007/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế Quản lý Nhà nước các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Thành phố, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHCN (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐĐBQH-HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, Thành phố;
- LĐVP, TT Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: VT, P, CV, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2012/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết, được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án hoặc chương trình khoa học và công nghệ.

2. Đề tài khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu nghiên cứu về một chủ đề khoa học và công nghệ. Đề tài có thể độc lập hoặc thuộc chương trình khoa học và công nghệ.

3. Dự án khoa học và công nghệ có mục đích ứng dụng, phát triển công nghệ; áp dụng, thử nghiệm các giải pháp, phương pháp khoa học và công nghệ, mô hình quản lý với nội dung định hướng chủ yếu vào giải quyết một yêu cầu kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ cụ thể. Dự án có thể độc lập hoặc thuộc chương trình khoa học và công nghệ.

4. Chương trình khoa học và công nghệ bao gồm một nhóm các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, được tập hợp theo một mục đích xác định nhằm thực hiện mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ cụ thể hoặc ứng dụng trong thực tiễn.

5. Trong trường hợp không cần phân biệt một nhiệm vụ khoa học và công nghệ là đề tài hay dự án, thì đề tài và dự án được gọi chung là đề tài.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

2. Các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hoặc Sở Khoa học và Công nghệ được giao thành lập.

3. Các tổ chức, cá nhân đề xuất, đăng ký, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh hoặc cấp nhà nước mà tỉnh được ủy quyền tuyển chọn, xét chọn, đánh giá nghiệm thu có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước.

4. Quy chế này quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Những quy định chung

1. Mỗi cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm hoặc đồng chủ nhiệm từ 2 đề tài trở lên chưa hoàn thành hoặc chưa được đánh giá nghiệm thu.

2. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài phải có chuyên môn có liên quan với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài hoặc làm việc ít nhất 3 năm trong lĩnh vực đó. Đội ngũ cộng tác viên tham gia đề tài phải có trình độ, chuyên môn phù hợp.

3. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài đều có quyền tham gia đăng ký chủ trì đề tài.

4. Mỗi tổ chức được đồng thời chủ trì nhiều đề tài phù hợp với lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức và phải đảm bảo có đủ số lượng cán bộ khoa học, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện các đề tài. Mỗi đề tài chỉ có một tổ chức chủ trì.

5. Các tổ chức, cá nhân không được tham gia đăng ký chủ trì, thực hiện đề tài mới khi vi phạm các quy định tại Điều 44 của Quy chế này.

Điều 4. Phân cấp quản lý

1. Tùy theo tính chất, quy mô, nội dung, nguồn vốn, tầm quan trọng, tính thiết thực, bức xúc và khả năng ứng dụng mở rộng của mỗi hoạt động nghiên cứu - triển khai Khoa học và Công nghệ mà phân thành 2 cấp quản lý như sau:

a) Cấp tỉnh: Các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có mức đầu tư kinh phí từ ngân sách tỉnh trên 200 triệu đồng từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học.

b) Cấp cơ sở: Các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở có mức đầu tư kinh phí từ ngân sách tỉnh từ 200 triệu đồng trở xuống từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học.

2. Hàng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các đề tài, dự án cấp tỉnh và cấp cơ sở theo đề xuất của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở. Đối với các đề tài, dự án cấp cơ sở, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng Khoa học và công nghệ chuyên ngành xét duyệt, quyết định cho phép triển khai thực hiện và ký hợp đồng thực hiện.

4. Hàng năm, các sở, ngành, huyện, Thành phố có thực hiện đề tài, dự án từ ngân sách có trách nhiệm báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ về danh mục, nội dung, kinh phí thực hiện và kết quả đạt được của việc nghiên cứu, triển khai đề tài, dự án để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời gian báo cáo chậm nhất vào cuối tháng 10 hàng năm.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Yêu cầu chung khi xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Đối với đề tài:

Xuất phát từ yêu cầu của định hướng, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ của tỉnh;

Xuất phát từ yêu cầu giải quyết những vấn đề cấp thiết của tỉnh;

Đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống, góp phần phát triển khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội của tỉnh;

Tạo ra sản phẩm có giá trị khoa học và công nghệ, có tính mới, sáng tạo, tiên tiến, khả thi;

Có địa chỉ ứng dụng cụ thể.

b) Đối với dự án:

Phải xuất phát từ định hướng, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ của tỉnh, tập trung vào các định hướng khoa học và công nghệ ưu tiên và những hướng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế quan trọng;

Tạo ra quy trình công nghệ và sản phẩm có chất lượng;

Có hiệu quả kinh tế - xã hội;

Có thị trường tiêu thụ sản phẩm;

Xuất xứ của dự án là kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được công nhận; các sáng chế, giải pháp kỹ thuật, sản phẩm khoa học đạt giải thưởng hội thi sáng tạo kỹ thuật. Nếu là kết quả khoa học và công nghệ từ nước ngoài phải được tổ chức có thẩm quyền công nhận.

2. Lựa chọn nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

Là việc xác định hướng chủ đề cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Các căn cứ để lựa chọn nội dung nghiên cứu:

a) Đánh giá những hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã thực hiện trong lĩnh vực có liên quan đến nhiệm vụ sẽ đặt ra nghiên cứu. Phân tích tình hình thực tiễn để rút ra những vấn đề cần nghiên cứu trong thời gian tới. Những tồn tại, những vấn đề có mâu thuẫn, những vấn đề thể hiện khả năng khai thác tiềm năng cho phát triển là những hướng chủ đề có thể lựa chọn;

b) Dựa vào các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trong kỳ kế hoạch, được Đại hội Tỉnh Đảng bộ thông qua, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trong những nhiệm vụ được đặt ra, chủ đề cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thường hướng vào những nhiệm vụ trọng tâm và cần có cơ sở khoa học và công nghệ và thực tiễn để giải quyết;

c) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành chủ quản và Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Dựa vào các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của nhà nước, lựa chọn những nội dung sát thực với yêu cầu và điều kiện của địa phương;

đ) Từ những đề xuất của cơ sở, lựa chọn những vấn đề thích hợp, có khả năng thực hiện.

3. Lựa chọn hình thức thực hiện:

Để lựa chọn hình thức thực hiện thích hợp (dưới dạng là đề tài, dự án, chương trình hay chỉ điều tra khảo sát, hoặc hội thảo khoa học), cần được xác định cụ thể các vấn đề:

a) Mục tiêu, yêu cầu vấn đề cần giải quyết, khả năng và địa chỉ áp dụng kết quả nghiên cứu;

b) Các nội dung nghiên cứu cần giải quyết;

c) Mức độ giải quyết;

d) Thời gian tiến hành;

đ) Dự toán kinh phí thực hiện, các nguồn vốn.

4. Dự kiến tổ chức chủ trì và cá nhân thực hiện:

a) Mỗi hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cần tập hợp lực lượng gồm một số cá nhân ở một hoặc nhiều tổ chức để thực hiện. Cần xác định tổ chức chủ trì thực hiện và người làm chủ nhiệm đề tài;

b) Yêu cầu của chủ nhiệm đề tài phải có kiến thức chuyên môn phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài nghiên cứu, hiểu rõ vấn đề được đặt ra, nắm được yêu cầu và phương pháp thực hiện đề tài có hiệu quả. Chủ nhiệm đề tài đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc xét chọn phải có chuyên môn cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài và phải được tổ chức chủ trì thống nhất lựa chọn;

c) Tùy theo nội dung của nhiệm vụ nghiên cứu mà lựa chọn tổ chức chủ trì thực hiện đề tài. Tổ chức được chọn chủ trì thực hiện đề tài phải có nhiều thuận lợi nhất về tổ chức, lực lượng cán bộ, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất tham gia thực hiện đề tài.

5. Dự trù nhu cầu kinh phí:

a) Dự trù kinh phí thực hiện đề tài, cần căn cứ vào quy định tài chính, định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành có liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ và phù hợp với điều kiện địa phương;

b) Ngoài phần dự kiến kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học, cần dự kiến khả năng kinh phí đóng góp từ các nguồn khác.

Điều 6. Đề xuất, đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm

1. Trong quý I đầu năm của năm kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các ban, ngành dự thảo định hướng nhiệm vụ các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trọng tâm. Riêng đối với các chương trình

khoa học và công nghệ đã thành lập ban chủ nhiệm chương trình, thì ban chủ nhiệm đề xuất mục tiêu, các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ưu tiên và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chương trình.

2. Sở Khoa học và Công nghệ trình Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xin ý kiến chỉ đạo và nhận các nhiệm vụ đặt hàng nghiên cứu.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh thông báo định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh cho năm kế hoạch và phổ biến đến các ban, ngành, huyện, Thành phố, doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng, các viện, trung tâm nghiên cứu và phát triển, các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở để thông báo đến các tổ chức, cá nhân tham gia đề xuất, đăng ký nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 7. Trình tự xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày công bố định hướng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất, đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân.

Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên ngành, để giúp Sở Khoa học và Công nghệ xác định các nhiệm vụ cần thực hiện đề trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục đề tài, dự án thực hiện.

b) Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong năm kế hoạch.

Trên cơ sở thống nhất của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong năm kế hoạch, cùng với phương thức thực hiện để các tổ chức, cá nhân xây dựng, hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc xét chọn chủ trì thực hiện;

Danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của năm kế hoạch bao gồm các mục:

- Tên đề tài;
- Mục tiêu, nội dung, sản phẩm;
- Tổ chức chủ trì hoặc tuyển chọn;
- Thời gian thực hiện;

2. Ban hành danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

Sau khi hoàn thành việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài và thẩm định xong kinh phí thực hiện các đề tài có chủ trương chấp

thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong năm kế hoạch, chậm nhất trước 6 tháng so với đầu năm kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của năm kế hoạch ;

Điều 8. Đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ hình thành nhiệm vụ đặt hàng:

a) Yêu cầu của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh để giải quyết những vấn đề cấp thiết của tỉnh; tạo cơ sở khoa học và thực tiễn để ban hành chủ trương, chính sách, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng các chương trình mục tiêu, cơ chế chính sách quản lý kinh tế - xã hội, quản lý đô thị và những vấn đề khác mang tính vĩ mô.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện, đảm bảo tiến độ về thời gian hoặc tính bảo mật của vấn đề cần nghiên cứu và sẽ được ưu tiên tổ chức thực hiện theo yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đặt hàng từ các ban, ngành, huyện, Thành phố, hội, đoàn thể, doanh nghiệp... trên địa bàn tỉnh để giải quyết những vấn đề bức xúc về khoa học và công nghệ phát sinh trong công tác quản lý chuyên ngành, trong sản xuất và đời sống xã hội, nhưng vượt quá khả năng giải quyết của các tổ chức này hoặc cần có sự hợp tác của nhiều tổ chức liên quan, nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh.

2. Yêu cầu đối với nhiệm vụ đặt hàng:

a) Đảm bảo tính thực tiễn, có giá trị khoa học, tính khả thi và không phải là nhiệm vụ chuyên môn của tổ chức đặt hàng;

b) Là cơ sở khoa học để đề xuất chủ trương, chính sách; xây dựng những luận cứ khoa học cho phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ an ninh, quốc phòng; nghiên cứu ứng dụng công nghệ - thiết bị mới, công nghệ - thiết bị phù hợp, cải tiến công nghệ và thiết bị và trực tiếp giải quyết những vấn đề bức xúc trong công tác quản lý chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của đơn vị đặt hàng (ngoại trừ các đề tài xuất phát từ yêu cầu của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh)

a) Xác định được tên đề tài cần nghiên cứu; mục tiêu của đề tài; các tiêu chí, tiêu chuẩn sản phẩm của đề tài cần đạt;

b) Thời gian gửi đề xuất đề tài đặt hàng về Sở Khoa học và Công nghệ là trước tháng 02 hàng năm (ngoại trừ những đề tài có tính đột xuất, có tính bức xúc);

c) Cử thành viên trong ban lãnh đạo (hoặc cán bộ chuyên trách) tham gia các hội đồng tuyển chọn, xét chọn, đánh giá nghiệm thu và phối hợp cùng Sở Khoa học và Công nghệ tham gia giám sát quá trình thực hiện đề tài để kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh;

d) Tiếp nhận và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu sau khi đề tài đặt hàng được nghiệm thu đạt yêu cầu và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát sinh

1. Các đề tài phát sinh trong thực tiễn sản xuất và đời sống có tính cấp thiết, thì Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các ban, ngành, đơn vị, nhà khoa học có liên quan để xem xét và đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương cho phép thực hiện.

2. Nếu được sự chấp thuận chủ trương cho phép thực hiện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyển chọn, xét chọn như những đề tài khác.

3. Sở Tài chính bổ sung kinh phí thực hiện (trường hợp Sở Khoa học và Công nghệ không cân đối được) các đề tài phát sinh ngoài kế hoạch do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện hoặc các ban, ngành đề xuất được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận không có trong kế hoạch.

Chương III

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

Điều 10. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên ngành

1. Chức năng:

Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên ngành là tổ chức tư vấn giúp Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm trên các lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan đến lĩnh vực tư vấn của hội đồng.

2. Nhiệm vụ:

a) Xem xét, phân tích và phản biện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực tư vấn của hội đồng, được Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp và cung cấp.

b) Lựa chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (do Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp) để đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xem xét.

c) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh, cần thiết phải triển khai trong năm kế hoạch, nhưng nội dung do các tổ chức, cá nhân đề xuất hoặc đăng ký chưa hoàn chỉnh, thì Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên ngành góp ý kiến bổ sung cho hoàn chỉnh.

d) Tham mưu cho Sở Khoa học và Công nghệ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thiết (tên nhiệm vụ, phạm vi, mục tiêu, nội dung nghiên cứu, sản phẩm) triển khai phục vụ sản xuất và đời sống cùng phương thức thực hiện trong

năm kế hoạch, nhưng chưa có tổ chức, cá nhân nào đề xuất, hoặc đăng ký thực hiện đề Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh.

3. Thẩm quyền thành lập: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên ngành do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

4. Thành phần : Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên ngành gồm 7-11 thành viên bao gồm: 1 chủ tịch hội đồng, 1 phó chủ tịch hội đồng, 1 ủy viên thư ký và một số ủy viên khác. Thành viên hội đồng là đại diện một số sở ngành, đơn vị có liên quan, một số nhà khoa học và cán bộ kỹ thuật, quản lý có uy tín và chuyên môn phù hợp.

a) Nhiệm vụ của chủ tịch hội đồng:

- Chủ trì cuộc họp hội đồng;
- Lãnh đạo hội đồng hoạt động theo các quy định tại quy chế này;
- Tổng kết ý kiến của các thành viên và kết luận về nội dung cuộc họp của hội đồng.

b) Nhiệm vụ của thành viên hội đồng:

- Tham dự các cuộc họp của hội đồng;
- Nghiên cứu, đóng góp ý kiến và đánh giá về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi tư vấn của hội đồng.

c) Nhiệm vụ của thư ký hội đồng:

- Chuẩn bị chương trình và điều kiện làm việc cho các buổi họp của hội đồng;

- Tổng hợp, báo cáo sự trùng lặp của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đề xuất so với các nhiệm vụ đã thực hiện (nếu có);

- Ghi biên bản cuộc họp;

- Hoàn chỉnh hồ sơ gửi cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh. Hồ sơ gồm có:

- + Quyết định thành lập hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên ngành;

- + Danh sách nhiệm vụ khoa học và công nghệ được sơ tuyển theo các lĩnh vực tư vấn của hội đồng;

- + Biên bản họp hội đồng.

5. Chế độ bồi dưỡng trách nhiệm:

Thành viên của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên ngành, được hưởng chế độ bồi dưỡng trách nhiệm khi tham gia các cuộc họp của hội đồng theo quy định.

6. Chương trình làm việc:

- Thư ký công bố quyết định thành lập hội đồng.

- Chủ tịch hội đồng nêu nội dung, yêu cầu và chương trình làm việc.

- Các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình bày tóm tắt về mục tiêu, phương pháp, nội dung nghiên cứu, dự kiến sản phẩm của

nhiệm vụ. Đối với các nhiệm vụ đề nghị giao trực tiếp, tổ chức chủ trì cần làm rõ năng lực của tổ chức và thành phần tham gia thực hiện nhiệm vụ.

- Hội đồng thảo luận, đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các nội dung:

+ Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ;

+ Mục tiêu nghiên cứu; nội dung nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu;

+ Sản phẩm dự kiến và địa chỉ ứng dụng;

- Hội đồng bỏ phiếu đánh giá theo hai mức đồng ý thực hiện và không đồng ý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Thư ký tổng hợp danh sách nhiệm vụ khoa học và công nghệ được lựa chọn đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh.

Điều 11. Tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài:

a) Các tổ chức, cá nhân có tên trong quyết định triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong năm kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc xét chọn chủ trì thực hiện đề tài theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Chủ nhiệm và các cộng tác viên tham gia thực hiện đề tài phải thuyết minh năng lực chuyên môn bằng sơ yếu lý lịch khoa học. Các tổ chức chủ trì đề tài phải chứng minh năng lực thực hiện về nhân sự và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc xét chọn chủ trì thực hiện đề tài.

d) Phương thức hoạt động của hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc xét chọn chủ trì thực hiện đề tài thực hiện theo quy định hiện hành. Nhiệm vụ của hội đồng tập trung xem xét, đánh giá về mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, nội dung khoa học và công nghệ, sản phẩm của đề tài.

Chương IV

LẬP DỰ TOÁN, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KINH PHÍ VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Điều 12. Lập dự toán kinh phí thực hiện đề tài

1. Căn cứ để lập dự toán:

a) Các nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài đã được hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc xét chọn chủ trì thực hiện đề tài thông qua và được Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất;

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng ban hành, chế độ chi tiêu hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì phải thuyết minh chi tiết căn cứ lập dự toán;

c) Dự toán kinh phí của đề tài phải gắn với các nội dung và sản phẩm nghiên cứu cụ thể; có thuyết minh rõ cơ sở xây dựng dự toán theo các nội dung công việc.

2. Chủ nhiệm đề tài lập dự toán chi tiết kinh phí của đề tài theo các nội dung chi giao khoán và chi không giao khoán, báo cáo tổ chức chủ trì để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Tổ chức thẩm định kinh phí thực hiện đề tài

Sau khi nội dung nghiên cứu và dự toán kinh phí của đề tài đã được chỉnh sửa, đối với các đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh có dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thì Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định đề tài (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) thẩm định kinh phí và nội dung cần thiết thực hiện đề tài.

1. Thành lập Tổ thẩm định:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định đối với từng đề tài.

b) Thành phần Tổ thẩm định gồm đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện Sở Tài chính, các phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ. Khi cần thiết có thể mời thêm đại diện các sở, ngành, nhà khoa học, quản lý, chuyên gia (chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, chuyên gia kinh tế, tài chính, nhà doanh nghiệp có kinh nghiệm và am hiểu về lĩnh vực liên quan đến đề tài cần thẩm định) có liên quan làm thành viên Tổ thẩm định.

c) Tổ thẩm định được hưởng chế độ trách nhiệm theo quy định hiện hành.

2. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định:

Thẩm định kinh phí cần thiết để triển khai đề tài phù hợp với các nội dung của đề tài được hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc xét chọn chủ trì thực hiện đề tài thông qua; kinh phí cần thiết hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; tư vấn cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tính khả thi về thị trường, hiệu quả dự kiến đối với sản phẩm tạo ra của đề tài. Tổ thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định kinh phí của mình.

Trên cơ sở đó, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho thực hiện đề tài. Khi thực hiện nhiệm vụ tư vấn, Tổ thẩm định căn cứ vào:

a) Kết quả làm việc của hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc xét chọn chủ trì thực hiện đề tài đã được Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất.

b) Các nội dung nghiên cứu, khối lượng công việc cần triển khai để đạt được mục tiêu và sản phẩm của đề tài đã được hội đồng khoa học và công nghệ

tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc xét chọn chủ trì thực hiện đề tài thông qua và đã được Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất.

c) Các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan tới nội dung thực hiện đề tài do các bộ, ngành chức năng hoặc tỉnh ban hành. Trong trường hợp các khoản chi về vật tư, hóa chất, nguyên nhiên vật liệu hoặc các khoản chi khác không có các định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng hoặc tỉnh ban hành, thì Tổ thẩm định xem xét, thẩm định dự toán chi cho các nội dung này và chịu trách nhiệm về việc thẩm định của mình.

d) Các chế độ, chính sách tài chính hiện hành.

3. Cuộc họp của Tổ thẩm định:

a) Trong thời hạn chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày Ban chủ nhiệm đề tài gửi Thuyết minh đề tài đã hoàn chỉnh theo ý kiến đóng góp của hội đồng xét duyệt, Tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức cuộc họp thẩm định kinh phí thực hiện đề tài;

b) Cuộc họp thẩm định do Sở Khoa học và Công nghệ triệu tập. Cuộc họp thẩm định chỉ được tiến hành trong trường hợp có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của Tổ thẩm định;

c) Tài liệu cuộc họp phải gửi tới thành viên Tổ thẩm định trước cuộc họp ít nhất 3 ngày;

d) Trong các cuộc họp của Tổ thẩm định, mời đại diện lãnh đạo, chủ nhiệm đề tài và kế toán của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện đề tài tham dự để thuyết minh về dự toán kinh phí của đề tài.

4. Cuộc họp thẩm định được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Chủ nhiệm đề tài trình bày dự toán kinh phí, các căn cứ lập dự toán, đề nghị phương thức thanh quyết toán và cung cấp thêm thông tin có liên quan tới dự toán kinh phí thực hiện đề tài;

b) Thành viên Tổ thẩm định thảo luận tập thể về những vấn đề có liên quan đến dự trù kinh phí thực hiện đề tài. Thư ký cuộc họp đọc ý kiến thẩm định bằng văn bản (nếu có) của thành viên vắng mặt. Ý kiến của thành viên vắng mặt chỉ để tham khảo;

c) Trong trường hợp các thành viên của Tổ thẩm định có ý kiến khác nhau, thì tổ trưởng xem xét, kết luận và chịu trách nhiệm về kết luận của mình.

Điều 14. Phê duyệt cho phép triển khai thực hiện đề tài

Sau khi dự toán kinh phí thực hiện đề tài được thẩm định, có kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thì Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép triển khai thực hiện đề tài. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm :

- Thuyết minh đề tài đã được chỉnh sửa, ký tên đóng dấu.
- Biên bản họp hội đồng xét duyệt.
- Biên bản thẩm định kinh phí.

Điều 15. Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ký kết giữa Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài

2. Nội dung chủ yếu của hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

- a) Tên, địa chỉ, tài khoản của các bên tham gia hợp đồng;
- b) Tên đề tài, phương pháp nghiên cứu, nội dung chủ yếu và kết quả phải đạt;
- c) Địa điểm, thời hạn, phương thức thực hiện hợp đồng;
- d) Quy định việc sử dụng kết quả nghiên cứu và chia sẻ lợi ích khi sử dụng kết quả;
- đ) Phương pháp đánh giá kết quả, nghiệm thu;
- e) Quyền sở hữu trí tuệ;
- g) Chi phí thực hiện, phương thức thanh toán;
- h) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và giải quyết tranh chấp;
- i) Các thoả thuận khác.

Chương V QUẢN LÝ KINH PHÍ

Điều 16. Quản lý và sử dụng kinh phí

Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Dự toán kinh phí cho từng đề tài do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định và phê duyệt theo đúng chế độ và định mức quy định.

2. Kinh phí cho mỗi kỳ họp Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ chuyên ngành, cho hoạt động ban chủ nhiệm chương trình khoa học và công nghệ được chi theo quy định từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh.

3. Kinh phí cho mỗi kỳ họp hội đồng tuyển chọn, nghiệm thu từng giai đoạn (nếu có), nghiệm thu đề tài do Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chi theo quy định hiện hành.

Điều 17. Cấp và quyết toán kinh phí thực hiện đề tài

Sau khi đề tài được phê duyệt thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và chuyển kinh phí cho đề tài theo tiến độ thực hiện về tài khoản của tổ chức chủ trì.

1. Kinh phí đề tài được cấp cho mỗi giai đoạn phải được quyết toán với Sở Khoa học và Công nghệ theo tiến độ thực hiện và tuân thủ theo các quy định về chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Tài chính, Bộ

Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện đề tài với Sở Tài chính.

3. Đề tài chỉ được cấp tiếp kinh phí khi đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí cấp lần trước. Kinh phí của mỗi đề tài được giữ lại 10 - 20% trên tổng kinh phí, phần này sẽ được cấp sau khi đề tài được nghiệm thu với kết quả từ loại đạt trở lên và hoàn thành việc đăng ký kết quả nghiên cứu, giao nộp sản phẩm của đề tài cho Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật.

4. Đề tài sau khi nghiệm thu, nhận kinh phí lần cuối phải được quyết toán kinh phí sau cùng với Sở Khoa học và Công nghệ, chậm nhất một tháng và phải giao nộp toàn bộ kết quả, sản phẩm đề tài cho Sở Khoa học và Công nghệ theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 18. Phân cấp quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí

Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ phải được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chế độ tài chính hiện hành, danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh, trong đó:

1. Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí các hoạt động phục vụ công tác quản lý đối với đề tài, chương trình khoa học công nghệ cấp tỉnh.

2. Giao cho tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, chủ nhiệm đề tài quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ đã được phê duyệt.

3. Đối với đề tài không được phê duyệt thực hiện hoặc đã được hội đồng tư vấn xét chọn đề nghị thực hiện hoặc đã có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, nhưng không triển khai thì không được hoàn trả chi phí cho công tác tư vấn xét chọn đề tài.

Chương VI

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 19. Thẩm quyền thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn của ban chủ nhiệm chương trình khoa học và công nghệ

1. Thẩm quyền thành lập:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập ban chủ nhiệm các chương trình khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ:

a) Căn cứ nội dung chương trình, đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gồm tên nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung khoa học và

công nghệ, sản phẩm, địa chỉ ứng dụng) thuộc chương trình;

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi tình hình thực hiện đề tài trong phạm vi chương trình; lập kế hoạch triển khai ứng dụng, nhân rộng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực hoạt động của chương trình vào sản xuất và đời sống;

c) Lập báo cáo về tình hình triển khai, thực hiện các nhiệm vụ thuộc chương trình theo định kỳ và theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ. Lập báo cáo tổng kết chương trình;

d) Giúp giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ điều hành các hoạt động của chương trình.

3. Quyền hạn:

a) Được tham gia tư vấn xét chọn, tuyển chọn, phản biện, đánh giá nghiệm thu đề tài thuộc phạm vi chương trình;

b) Được đề nghị các đề tài cần tiếp tục, mở rộng phạm vi nghiên cứu, ứng dụng hoặc đình chỉ việc nghiên cứu tiếp, nếu xét thấy đề tài không có hiệu quả hoặc không đảm bảo điều kiện triển khai;

c) Các thành viên ban chủ nhiệm được hưởng chế độ bồi dưỡng trách nhiệm theo quy định hiện hành khi tham gia các hoạt động của ban chủ nhiệm chương trình;

d) Thời gian hoạt động của ban chủ nhiệm chương trình tương ứng với thời gian hoạt động của chương trình.

Điều 20. Tổ chức và phân công nhiệm vụ của ban chủ nhiệm chương trình

1. Tổ chức của ban chủ nhiệm:

a) Mỗi chương trình khoa học và công nghệ có ban chủ nhiệm. Mỗi ban chủ nhiệm có từ 7 đến 11 thành viên, bao gồm chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, các ủy viên và ủy viên thư ký;

b) Chủ nhiệm chương trình là cán bộ khoa học, quản lý có uy tín, được tin nhiệm trong giới chuyên môn, có điều kiện đảm đương nhiệm vụ chỉ đạo hoạt động của chương trình;

c) Các thành viên khác của ban chủ nhiệm bao gồm các nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, quản lý có chuyên môn phù hợp;

d) Ủy viên thư ký là chuyên viên của Phòng Quản lý khoa học thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Ủy viên thư ký của chương trình giúp chủ nhiệm chương trình đảm bảo các thủ tục và chế độ cần thiết cho công tác quản lý của chương trình phù hợp với quy định của nhà nước.

2. Phân công nhiệm vụ của các thành viên ban chủ nhiệm chương trình:

a) Chủ nhiệm chương trình:

Triệu tập và chủ trì các phiên họp của ban chủ nhiệm;

Chỉ đạo chuẩn bị nội dung các vấn đề đưa ra thảo luận tại các phiên họp của ban chủ nhiệm, tổng hợp và thống nhất ý kiến của các thành viên trong ban

chủ nhiệm, xây dựng các báo cáo về tình hình hoạt động của chương trình theo định kỳ. Khi cần thiết chủ nhiệm chương trình có thể tổ chức họp mở rộng với sự tham gia của các nhà khoa học, các nhà sản xuất kinh doanh và đại diện các cơ quan quản lý để đóng góp ý kiến cho việc xây dựng nhiệm vụ và triển khai chương trình;

Chủ nhiệm chương trình có quyền đề nghị với giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ khen thưởng các thành viên trong ban chủ nhiệm chương trình làm tốt nhiệm vụ của mình.

b) Phó chủ nhiệm chương trình:

Giúp chủ nhiệm chương trình điều hành các hoạt động chung của ban chủ nhiệm, thay mặt chủ nhiệm chủ trì các phiên họp ban chủ nhiệm khi chủ nhiệm vắng mặt, phối hợp cùng các thành viên trong ban chủ nhiệm tổ chức triển khai các hoạt động của chương trình.

c) Ủy viên thư ký của chương trình:

Giúp chủ nhiệm chương trình đảm bảo các thủ tục và chế độ cần thiết cho công tác quản lý của chương trình phù hợp với quy định của nhà nước;

Giúp chủ nhiệm chương trình chuẩn bị nội dung, điều kiện và phương tiện làm việc cho các cuộc họp và hoạt động của ban chủ nhiệm, ghi biên bản các cuộc họp;

Giúp chủ nhiệm chương trình tổng hợp và xây dựng các báo cáo theo chức năng nhiệm vụ của ban chủ nhiệm chương trình.

d) Các ủy viên ban chủ nhiệm chương trình:

Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của chủ nhiệm chương trình và thường xuyên cung cấp thông tin, báo cáo trong ban chủ nhiệm chương trình.

Điều 21. Chế độ làm việc và quan hệ công tác của ban chủ nhiệm chương trình

1. Chế độ làm việc:

a) Ban chủ nhiệm chương trình làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, mỗi thành viên ban chủ nhiệm có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp và thực hiện các công việc do chủ nhiệm chương trình phân công;

b) Ban chủ nhiệm chương trình họp định kỳ theo quy chế tổ chức và hoạt động của chương trình.

2. Quan hệ công tác:

a) Ban chủ nhiệm chương trình phối hợp với các phòng, đơn vị chức năng của Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các hoạt động quản lý đề tài trong phạm vi chương trình;

b) Các ban chủ nhiệm chương trình có thể phối hợp với nhau nhằm tư vấn, hỗ trợ Sở Khoa học và Công nghệ trong việc giải quyết các vấn đề mang tính chất liên ngành, liên vùng.

Chương VII

QUẢN LÝ TRIỂN KHAI ĐỀ TÀI

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì đề tài

1. Tổ chức chủ trì đề tài phải ký xác nhận và theo dõi hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm đề tài thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ. Thủ trưởng các tổ chức chủ trì đề tài có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc theo dõi và kiểm tra việc thực hiện đề tài do tổ chức mình thực hiện; có trách nhiệm giám sát chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và thanh quyết toán đúng thời gian quy định. Tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện đề tài; nghiêm túc thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng. Tổ chức chủ trì đề tài phải cử người có thẩm quyền tham dự các buổi họp của hội đồng xét chọn, thẩm định kinh phí hay nghiệm thu đề tài.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu đề tài ở cấp cơ sở trước khi gửi báo cáo nghiệm thu về Sở Khoa học và Công nghệ để nghiệm thu chính thức.

3. Tổ chức chủ trì đề tài có trách nhiệm trong việc thu hồi kinh phí của đề tài khi bị kiểm tra, đình chỉ thực hiện theo Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức chủ trì đề tài được hưởng chi phí quản lý của đề tài theo quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT/BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ nhiệm đề tài

1. Chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện đề tài theo đúng các điều khoản cam kết trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Chủ nhiệm đề tài được quyền chủ động sử dụng kinh phí được cấp theo chế độ khoán kinh phí hiện hành và điều hòa nhân sự để thực hiện đề tài; có trách nhiệm nộp kinh phí thu hồi theo đúng hợp đồng đã ký; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất (nếu có); sử dụng kinh phí và thanh quyết toán đề tài theo đúng quy định hiện hành.

Điều 24. Trách nhiệm triển khai kết quả nghiên cứu khoa học

1. Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm công bố kết quả nghiên cứu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị,

tổ chức có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài (trừ những đề tài có độ mật và tối mật phục vụ an ninh quốc phòng và một số ngành khác theo quy định của pháp luật về vấn đề bảo mật hoặc các đề tài được đặt hàng từ khu vực tư nhân, có sử dụng một phần ngân sách nhà nước và có tính bảo mật về kỹ thuật, công nghệ...).

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức bàn giao kết quả nghiên cứu, sản phẩm của đề tài cho các cơ quan đặt hàng, tổ chức, đơn vị ứng dụng kết quả của đề tài mỗi năm 2 lần. Cơ quan đặt hàng, tổ chức, đơn vị ứng dụng kết quả của đề tài có trách nhiệm báo cáo định kỳ 12 tháng/lần về việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu cho Sở Khoa học và Công nghệ cho đến khi có kết quả ứng dụng cụ thể. Chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ tổ chức, đơn vị ứng dụng triển khai kết quả nghiên cứu.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm báo cáo Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh việc triển khai kết quả nghiên cứu khoa học đối với các đề tài do Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ.

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan đặt hàng và tổ chức, đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu

Cơ quan đặt hàng và tổ chức, đơn vị ứng dụng kết quả nghiên cứu sau khi nhận được bàn giao từ Sở Khoa học và Công nghệ với sự hỗ trợ tiếp tục từ chủ nhiệm đề tài phải triển khai ngay kết quả nghiên cứu, chậm nhất là 6 tháng. Nếu chưa ứng dụng được thì 12 tháng/lần có báo cáo cho Sở Khoa học và Công nghệ đến khi có kết quả ứng dụng cụ thể.

Điều 26. Kiểm tra, theo dõi tiến độ thực hiện

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ về tiến độ thực hiện đề tài định kỳ hoặc đột xuất và báo cáo quyết toán kinh phí trước mỗi lần cấp kinh phí đợt tiếp theo. Nếu quá 06 tháng (tính từ thời điểm phải báo cáo tiến độ), mà không có báo cáo và không chứng minh được nguyên nhân trễ hạn do khách quan, thì Sở Khoa học và Công nghệ có quyền đình chỉ nghiên cứu và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Theo chức năng quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra về việc thực hiện nội dung nghiên cứu, việc sử dụng kinh phí định kỳ hoặc đột xuất, để xác nhận tiến độ và kết quả thực hiện đề tài, trên cơ sở đó có biện pháp chỉ đạo tiếp tục thực hiện hoặc đình chỉ thực hiện đề tài. Khi cần thiết, mời lãnh đạo các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham gia kiểm tra.

Điều 27. Giải quyết các thay đổi, phát sinh trong quá trình thực hiện đề tài

1. Trong trường hợp phải thay đổi mục tiêu, nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài cho phù hợp với tình hình thực tế, hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tài hoặc các phát sinh khác, từ đó làm thay đổi mục tiêu, nội dung, dự toán kinh phí của đề tài, thì chủ nhiệm đề

tài và thủ trưởng tổ chức chủ trì lập báo cáo, dự toán kinh phí điều chỉnh của đề tài theo các mục tiêu, nội dung của đề tài cần phải thay đổi, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, quản lý đề tài quyết định.

2. Tổ chức chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài chỉ được thực hiện các thay đổi về mục tiêu, nội dung, phát sinh về kinh phí khi có văn bản chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ. Việc sử dụng kinh phí để giải quyết các phát sinh phải tuân thủ các quy định tài chính hiện hành.

3. Nếu việc thay đổi nội dung mà không thay đổi cơ cấu kinh phí, thì:

a) Nếu có thay đổi mục tiêu của đề tài, thì Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết theo thẩm quyền của mình;

b) Nếu không thay đổi mục tiêu của đề tài, thì Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, giải quyết;

4. Nếu việc thay đổi nội dung có làm thay đổi cơ cấu kinh phí, thì:

a) Nếu trong phạm vi tổng kinh phí của đề tài đã được duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giải quyết và thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính biết để phối hợp quản lý;

b) Nếu vượt tổng kinh phí của đề tài đã được duyệt dưới 50 triệu đồng, thì Sở Tài chính xem xét, giải quyết theo thẩm quyền;

c) Nếu vượt tổng kinh phí của đề tài đã được duyệt từ 50 triệu đồng trở lên, thì Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét về kinh phí và cùng trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương VIII

ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Điều 28. Đánh giá nghiệm thu giữa kỳ đề tài

1. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu giữa kỳ (gọi tắt là hội đồng nghiệm thu giữa kỳ) của mỗi đề tài trong quá trình thực hiện, nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, nội dung nghiên cứu và tiến độ thời gian. Đối với các đề tài thực hiện dưới 12 tháng hoặc kinh phí dưới 200 triệu đồng thì không thành lập hội đồng nghiệm thu giữa kỳ.

2. Đánh giá nghiệm thu giữa kỳ đề tài thực hiện theo quy định đánh giá nghiệm thu đề tài hiện hành của tỉnh.

3. Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn của đề tài bằng cách bỏ phiếu đạt hay không đạt.

4. Đề tài chỉ được tiếp tục thực hiện khi hội đồng đánh giá nghiệm thu giữa kỳ đánh giá kết quả thực hiện của giai đoạn trước đạt kết quả Đạt.

5. Trong trường hợp hội đồng giám định đánh giá kết quả thực hiện của giai đoạn trước không đạt, thì đề tài không được tiếp tục thực hiện và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng.

Điều 29. Đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập hội đồng khoa học công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu đề tài. Mời lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham gia hội đồng.

Việc đánh giá nghiệm thu đề tài cấp tỉnh phải căn cứ vào hồ sơ xét chọn hoặc tuyển chọn chủ trì thực hiện đề tài được duyệt, hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã ký kết giữa Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và kết quả đánh giá nghiệm thu cơ sở, tiến hành đúng quy trình, bảo đảm nghiêm túc, trung thực, khách quan, chính xác và công bằng, trong đó:

1. Đánh giá nghiệm thu đề tài thực hiện theo quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ hiện hành của tỉnh.

2. Đối với đề tài được hội đồng đánh giá nghiệm thu kiến nghị cho nghiệm thu lại, thì chi phí phục vụ hội đồng đánh giá nghiệm thu lại do tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm chi trả.

4. Nếu quá 6 tháng (so với hợp đồng) chủ nhiệm đề tài không nộp báo cáo nghiệm thu và không chứng minh được nguyên nhân trễ hạn do khách quan, thì Sở Khoa học và Công nghệ có quyền đình chỉ triển khai đề tài và tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng.

Điều 30. Chế tài xử lý đối với các đề tài không hoàn thành

1. Đề tài không hoàn thành là đề tài thuộc một trong các loại sau đây:

a) Bị đình chỉ trong quá trình thực hiện theo quyết định của cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt đề tài, do sai phạm hoặc không có khả năng hoàn thành;

b) Có kết quả được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” tại hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài và không được cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt đề tài cho phép gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả.

2. Xác định nguyên nhân đề tài không hoàn thành:

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xác định đề tài không hoàn thành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì lập báo cáo chi tiết toàn bộ quá trình thực hiện (nội dung hoạt động và sử dụng kinh phí) của đề tài; xác định rõ các nguyên nhân chủ quan và khách quan, gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, quản lý đề tài;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, quản lý đề tài chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc đề tài không hoàn thành.

3. Hình thức xử lý đề tài không hoàn thành:

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tùy theo nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan dẫn đến việc đề tài không hoàn thành để ra quyết định xử lý cụ thể như sau:

a) Nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ kinh phí của đề tài đã được cấp nhưng chưa sử dụng;

b) Đối với phần kinh phí của ngân sách nhà nước đã sử dụng, được xử lý như sau:

- Trường hợp do nguyên nhân chủ quan, phải quy rõ trách nhiệm của từng cá nhân để thu hồi tối đa kinh phí cho ngân sách nhà nước. Tổng mức thu hồi tối thiểu không thấp hơn 30% kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng cho đề tài.

- Trường hợp do nguyên nhân khách quan: Tổng mức thu hồi tối đa không quá 10% kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng cho đề tài.

- Mức thu hồi cụ thể do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài xem xét quyết định. Nguồn kinh phí nộp trả ngân sách nhà nước: 50% do chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm nộp trả; 50% từ các quỹ và các nguồn kinh phí tự có khác của tổ chức chủ trì.

c) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tài có quyết định về việc nộp hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm nộp hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành;

d) Trong trường hợp nguồn các quỹ và các nguồn tự có khác hiện có của tổ chức chủ trì không đủ nộp hoàn trả ngân sách, thì được chuyển phần còn thiếu sang năm sau để tiếp tục hoàn trả ngân sách nhà nước;

đ) Các tổ chức chủ trì đề tài tổng hợp tình hình thực hiện việc thu hồi kinh phí hoàn trả ngân sách nhà nước vào báo cáo quyết toán hàng năm của đơn vị mình gửi cơ quan chủ quản cấp trên để tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định;

e) Các hình thức xử lý khác đối với các tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài không hoàn thành theo các quy định khác do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 31. Sử dụng sản phẩm, xử lý tài sản và thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài

1. Sử dụng sản phẩm của đề tài:

a) Sản phẩm của đề tài là tài sản trí tuệ, việc sử dụng sản phẩm được thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Sản phẩm của đề tài là sản phẩm vật chất sử dụng kinh phí của ngân sách nhà nước, khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường thì nguồn thu sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân phối như sau:

- 40% nộp ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành;
- 30% trích lập quỹ phát triển sự nghiệp của tổ chức chủ trì. Trường hợp tổ chức chủ trì không có quỹ phát triển sự nghiệp thì nộp ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành;
- 30% dùng để khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện đề tài và tổng mức tiền thưởng không vượt quá 100 triệu đồng đối với 01 đề tài. Phần tiền thưởng vượt quá mức 100 triệu đồng được trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi của tổ chức chủ trì.

c) Trường hợp hợp đồng nghiên cứu sản phẩm đề tài quy định phần kinh phí của nhà nước hỗ trợ thì sản phẩm của đề tài thuộc sở hữu của tổ chức chủ trì; tổ chức chủ trì phải tổ chức theo dõi hạch toán, quản lý sản phẩm đề tài theo quy định của nhà nước hiện hành.

2. Xử lý tài sản được mua sắm bằng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước của đề tài:

a) Đối với đề tài sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, thì tài sản được mua sắm là tài sản nhà nước. Sau khi đề tài hoàn thành, nghiệm thu và quyết toán kinh phí, tài sản này được xử lý theo các quy định hiện hành về quản lý tài sản của nhà nước, cụ thể như sau:

- Trường hợp chủ trì đề tài là tổ chức thuộc nhà nước và có nhu cầu sử dụng thì cơ quan chủ quản của đề tài xem xét quyết định ghi tăng tài sản cho tổ chức chủ trì;

- Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị của nhà nước còn thiếu tài sản có nhu cầu sử dụng hoặc còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do nhà nước quy định;

- Tổ chức bán đấu giá để thu tiền nộp ngân sách nhà nước đối với các tài sản vẫn còn sử dụng được. Trường hợp tổ chức chủ trì đề tài không phải là cơ quan, đơn vị, tổ chức của nhà nước, nếu có nhu cầu thì được ưu tiên mua theo giá thị trường của tài sản tại thời điểm bán;

- Thanh lý tài sản đối với các tài sản không còn sử dụng được.

Việc tổ chức bán đấu giá, thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

b) Trường hợp kinh phí của nhà nước có tính chất hỗ trợ hoặc tổ chức chủ trì đề tài đã nộp ngân sách nhà nước kinh phí thu hồi từ các dự án sản xuất thử nghiệm, chuyên giao công nghệ theo quy định, thì tài sản được hình thành từ nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách nhà nước thuộc quyền quản lý của tổ chức chủ trì. Việc quản lý và sử dụng tài sản được thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Thanh lý hợp đồng:

a) Đây là việc kết thúc quá trình quản lý đối với đề tài. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan, cùng với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì đánh giá toàn bộ quá trình triển khai đề tài, việc tổ chức

nghiệm thu kết quả, thực hiện chế độ thanh quyết toán kinh phí, xem xét thanh lý tài sản nếu có. Sau khi đã thống nhất hoàn tất mọi việc, sẽ ký biên bản thanh lý hợp đồng giữa các bên đã tham gia ký hợp đồng thực hiện đề tài;

b) Đề tài không thể tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, bắt buộc phải thanh lý, hoặc nộp trả kinh phí về ngân sách Nhà nước thì Sở Khoa học và Công nghệ phải thành lập hội đồng thanh lý. Hội đồng thanh lý gồm: thanh tra, các phòng chức năng của Sở Khoa học và Công nghệ; đại diện Sở Tài chính; đại diện tổ chức chủ trì; chủ nhiệm đề tài; chủ tịch hội đồng; ủy viên phản biện, đại diện cơ quan đặt hàng (nếu có) và một số nhà khoa học tham gia hội đồng xét duyệt hoặc giám định đề tài;

c) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào biên bản họp hội đồng thanh lý để ra quyết định thanh lý hoặc đình chỉ thực hiện đề tài và thu hồi sản phẩm, kinh phí (tỷ lệ kinh phí thu hồi sẽ do hội đồng thanh lý đề nghị, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định).

Điều 32. Công nhận, đăng ký và công khai kết quả thực hiện đề tài

1. Công nhận kết quả nghiên cứu:

Đối với đề tài được hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh đánh giá, nghiệm thu từ loại đạt yêu cầu trở lên, thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả và giao đơn vị thụ hưởng kết quả đề tài phối hợp với tổ chức chủ trì thực hiện đề tài và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả khoa học và công nghệ của đề tài vào thực tế quản lý, sản xuất và đời sống.

2. Đăng ký kết quả nghiên cứu:

Chủ nhiệm đề tài phải làm thủ tục đăng ký kết quả nghiên cứu tại trung tâm thông tin Khoa học và Công nghệ. Mục đích của việc đăng ký kết quả nghiên cứu nhằm bảo đảm quyền lợi của các tác giả công trình khoa học và phục vụ cho quản lý khoa học và công nghệ tránh trùng lặp nội dung nghiên cứu của các đề tài.

Chương IX QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, TRIỂN KHAI

Điều 33. Xác định quyền sở hữu trí tuệ

1. Đối với những đề tài sử dụng 100% kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh, mọi kết quả nghiên cứu và các đối tượng sở hữu trí tuệ phát sinh đều thuộc về Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quản lý và có trách nhiệm tiến hành các thủ tục xác lập các quyền sở hữu trí tuệ và quản lý toàn bộ kết quả nghiên cứu phát sinh từ các đề tài này.

2. Đối với những đề tài sử dụng một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh, nếu không có thỏa thuận khác, thì các kết quả nghiên cứu và các đối tượng sở hữu trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu chung của các bên tham gia đóng góp kinh phí. Tỷ lệ sở hữu được xác định theo tỷ lệ đóng góp của các bên. Sở Khoa học và Công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quản lý và có trách nhiệm phối hợp với các chủ thể có liên quan tiến hành các thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các đối tượng này.

3. Việc xác định quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu và đối tượng sở hữu trí tuệ phát sinh phải được thể hiện trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ký kết giữa các bên, trên cơ sở pháp luật dân sự và pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 34. Xác lập quyền sở hữu trí tuệ

1. Quyền sở hữu trí tuệ phát sinh thuộc quyền quản lý của tổ chức nào thì tổ chức đó tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Trường hợp các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ thuộc quyền sở hữu chung, các bên phải thỏa thuận người đứng ra tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Thỏa thuận người nộp đơn đăng ký phải được thể hiện bằng văn bản và nêu cụ thể nghĩa vụ của người được trao quyền nộp đơn đối với các chủ sở hữu còn lại.

2. Các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trên cơ sở văn bằng bảo hộ được cơ quan có thẩm quyền cấp thì người có quyền nộp đơn đăng ký phải chủ động tiến hành thủ tục đăng ký. Đối với các đối tượng phát sinh quyền không trên cơ sở đăng ký, các tổ chức được trao quyền quản lý phải lưu giữ tài liệu để chứng minh quyền khi có tranh chấp. Các tác giả có nghĩa vụ hỗ trợ tổ chức quản lý tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

3. Chi phí đăng ký được lấy từ nguồn kinh phí thực hiện đề tài bao gồm phí quốc gia và chi phí thuê dịch vụ đại diện sở hữu trí tuệ thực hiện việc đăng ký. Các chủ nhiệm đề tài phải dự trù phần kinh phí này trong bản dự toán tài chính thực hiện đề tài và chỉ được quyết toán khi phần kinh phí dự trù đã được duyệt và được thanh toán theo hóa đơn chi thực tế.

4. Khi tiến hành xác lập quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức được giao quyền đăng ký phải ghi nhận tên tác giả, đồng tác giả trên hồ sơ đăng ký nếu đối tượng đăng ký đó có phần ghi nhận tên tác giả, đồng tác giả.

Điều 35. Khai thác sử dụng và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ

1. Đối với các kết quả nghiên cứu sử dụng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nhu cầu thực tế, xem xét kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép chuyển giao quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu hoặc các đối tượng sở hữu trí tuệ thuộc quyền quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ cho các bên tham gia hoặc cho một bên thứ ba để tạo thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao phải trả theo thỏa thuận cho nhà nước một khoản tiền hoặc các điều kiện thương mại hợp lý khác so với tiềm năng thương mại của đối tượng

được chuyển giao.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cho phép sử dụng, khai thác đối với các kết quả nghiên cứu và các quyền sở hữu trí tuệ đã giao cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý để nhanh chóng đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

3. Các cá nhân, tổ chức đã tham gia thực hiện đề tài được ưu tiên trong việc nhận chuyển giao hoặc cấp quyền sử dụng, khai thác đối với các kết quả nghiên cứu hoặc các đối tượng sở hữu trí tuệ mà mình đã tham gia tạo ra.

Điều 36. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

1. Các cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện các đề tài có sử dụng một phần hoặc toàn bộ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh, nếu có sử dụng quyền sở hữu trí tuệ của các chủ thể khác trong tiến trình nghiên cứu, triển khai, phải đảm bảo đã được chủ thể tương ứng cấp quyền sử dụng và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi sử dụng đó.

2. Các cá nhân, tổ chức thực hiện đề tài có sử dụng một phần hoặc toàn bộ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh có nghĩa vụ phát hiện kịp thời các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong quá trình nghiên cứu và thông báo cho cơ quan quản lý để tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài về các thủ tục sở hữu trí tuệ có liên quan, về các thông tin được phép công bố và tiết lộ trong từng giai đoạn, nhằm đảm bảo đáp ứng các điều kiện xác lập quyền và khai thác quyền một cách tốt nhất.

Điều 37. Phân chia lợi ích

1. Khi phát sinh lợi nhuận từ việc khai thác kết quả nghiên cứu và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ, chủ sở hữu có nghĩa vụ thanh toán cho tác giả hoặc đồng tác giả các khoản phí theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các kết quả nghiên cứu hoặc các đối tượng sở hữu trí tuệ thuộc sở hữu chung, việc phân chia lợi nhuận (nếu có) được phân chia theo tỷ lệ sở hữu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Chương X

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 38. Khen thưởng

1. Đối với các đề tài hoàn thành đúng thời hạn và vượt mức nhiệm vụ đặt ra, tạo nên những kết quả khoa học và công nghệ xuất sắc sẽ được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện những công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng vào thực tế, góp phần đem lại hiệu quả tốt cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 39. Khiếu nại, tố cáo

Việc khiếu nại, tố cáo vi phạm Quy chế được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và các quy định hiện hành khác.

Điều 40. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài trong quá trình tổ chức, thực hiện đề tài nếu vi phạm quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, vi phạm Quy chế này, vi phạm hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, buộc bồi thường kinh phí thực hiện đề tài và không được tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ nhiệm đề tài có đề tài trễ hạn quá 12 tháng chưa nghiệm thu, chưa quyết toán (nếu không chứng minh được do nguyên nhân khách quan) sẽ không được đăng ký thực hiện đề tài trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí, hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

3. Tổ chức có 3 đề tài trễ hạn hoặc không quyết toán kinh phí trên 12 tháng trở lên, không được đăng ký chủ trì đề tài trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí, hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

Chương XI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc thi hành Quy chế này để các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện.

Điều 42. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**